

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

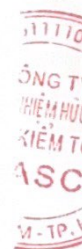
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Hàng không được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Sân bay Gia Lâm, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch
Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên
Ông Phan Văn Minh	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Thảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hữu Thảo	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Dư	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Loan	Thành viên
Bà Đỗ Hương Ly	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;

**Công ty Cổ phần Công trình Hàng không**  
Sân bay Gia Lâm, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Phan Văn Minh**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công trình Hàng không

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Hàng không được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán theo Báo cáo Kiểm toán độc lập số 300323.035/BCTC.KT3 ngày 30 tháng 03 năm 2023, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ và các công trình tồn đọng đang được phản ánh trên khoản mục "Hàng tồn kho". Các vấn đề này chưa được điều chỉnh và vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm nay, do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, cụ thể như sau:

- Tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023, số dư công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận lần lượt là:

- + Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 7,98 tỷ đồng và 7,96 tỷ đồng;
- + Trả trước cho người bán ngắn hạn: 0,33 tỷ đồng và 0,25 tỷ đồng;
- + Phải thu ngắn hạn khác: 20,4 tỷ đồng và 21,47 tỷ đồng;
- + Phải trả người bán ngắn hạn: 1,16 tỷ đồng và 1,18 tỷ đồng;
- + Người mua trả tiền trước ngắn hạn: 0,26 tỷ đồng và 0,28 tỷ đồng;
- + Phải trả ngắn hạn khác: 23,13 tỷ đồng và 23,88 tỷ đồng;

- Tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023, trên số dư khoản mục Hàng tồn kho tồn tại nhiều công trình dở dang tồn đọng với tổng số dư khoảng 8 tỷ đồng.

Với những tài liệu đã thu thập và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không có đầy đủ cơ sở để đưa ý kiến kiểm toán về các số liệu nêu trên và ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>68.967.552.572</b>	<b>68.016.846.895</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.364.583.476	267.649.411
111	1. Tiền		1.364.583.476	267.649.411
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	23.980.000.000	23.980.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.980.000.000	23.980.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.450.662.946	35.705.348.669
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.984.885.994	13.675.537.348
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	279.005.255	325.845.729
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.186.771.697	21.754.648.592
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(50.683.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	8.086.095.814	7.997.822.190
141	1. Hàng tồn kho		8.086.095.814	7.997.822.190
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		86.210.336	66.026.625
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	14.475.806	19.685.589
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	71.734.530	46.341.036
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.530.196.589</b>	<b>2.571.932.239</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.250.000	1.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.250.000	1.250.000
220	II. Tài sản cố định		68.092.008	4
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	68.092.008	4
222	- Nguyên giá		1.913.089.100	1.840.133.380
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.844.997.092)	(1.840.133.376)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		138.000.000	138.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(138.000.000)	(138.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	2.230.854.581	2.340.682.235
231	- Nguyên giá		10.361.711.691	9.824.378.861
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.130.857.110)	(7.483.696.626)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	230.000.000	230.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230.000.000	230.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>71.497.749.161</b>	<b>70.588.779.134</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>32.929.387.422</b>	<b>32.270.803.012</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>32.929.387.422</b>	<b>32.270.803.012</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	7.369.224.974	7.355.680.647
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	414.582.426	260.316.404
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	886.095.522	186.191.451
314	4. Phải trả người lao động		372.319.036	501.515.126
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		258.786	258.786
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	23.875.090.348	23.955.024.268
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.816.330	11.816.330
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>38.568.361.739</b>	<b>38.317.976.122</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>38.568.361.739</b>	<b>38.317.976.122</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		26.527.685.865	26.527.685.865
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		26.527.685.865	26.527.685.865
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.633.641.577	2.633.641.577
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.407.034.297	9.156.648.680
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.075.152.680	8.320.789.158
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		331.881.617	835.859.522
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>71.497.749.161</b>	<b>70.588.779.134</b>

Hoàng Thị Hậu  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng

Phan Văn Minh  
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phan Văn Minh



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

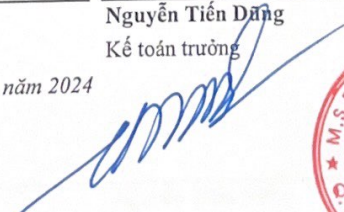
Năm 2023

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.017.854.647	4.774.708.813
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.017.854.647	4.774.708.813
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.014.019.496	2.309.120.993
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.003.835.151	2.465.587.820
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.386.473.900	1.225.281.710
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.998.886.433	2.646.045.128
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		391.422.618	1.044.824.402
31	11. Thu nhập khác		34.345.641	-
32	12. Chi phí khác	25	8.871.172	-
40	13. Lợi nhuận khác		25.474.469	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		416.897.087	1.044.824.402
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	85.015.470	208.964.880
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>331.881.617</u>	<u>835.859.522</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	125	284

Hoàng Thị Hậu  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Minh  
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phan Văn Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

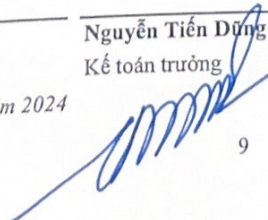
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		416.897.087	1.044.824.402
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		652.024.200	644.353.085
03	- Các khoản dự phòng		(50.683.000)	(1.519.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.386.473.900)	(1.225.281.710)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(368.235.613)	(1.055.104.223)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		348.237.364	2.524.827.579
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(88.273.624)	1.567.255.456
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		658.584.410	(4.318.144.290)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.209.783	23.509.408
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(110.408.964)	(290.800.423)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(81.496.000)	(80.445.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		363.617.356	(1.628.901.493)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(610.288.550)	(230.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25.213.743.834)	(28.127.025.942)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.213.743.834	28.953.008.191
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.343.605.259	1.041.700.469
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		733.316.709	1.637.682.718
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.096.934.065	8.781.225
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		267.649.411	258.868.186
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.364.583.476	267.649.411

Hoàng Thị Hậu  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng



9

Phan Văn Minh  
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phan Văn Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Hàng không được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Sân bay Gia Lâm, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 26.527.685.865 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26.527.685.865 VND; tương đương 2.652.769 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 15 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 12 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và cho thuê bất động sản đầu tư.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê kho.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất 05 - 30 năm

## 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

## 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là cho thuê kho trong địa bàn Thành phố Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	334.583.566	150.955.237
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.029.999.910	116.694.174
	<u>1.364.583.476</u>	<u>267.649.411</u>

## 4. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	23.980.000.000	-	23.980.000.000	-
	<u>23.980.000.000</u>	<u>-</u>	<u>23.980.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng có giá trị 23.980.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 8%/năm.



5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>12.984.885.994</b>	-	<b>13.675.537.348</b>	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phúc Minh Long Biên	4.945.624.594	-	4.945.624.594	-
- Ban quản lý Dự án Tà Ngạn	886.475.753	-	886.475.753	-
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thành Phố Hồ Chí Minh	956.395.952	-	972.446.652	-
- Ban quản lý Dự An Mỹ Thuận	1.443.656.344	-	1.443.656.344	-
- Công ty Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh	843.225.639	-	843.225.639	-
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Nam Phước	934.000.000	-	934.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.975.507.712	-	3.650.108.366	-
	<b>12.984.885.994</b>	-	<b>13.675.537.348</b>	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>279.005.255</b>	-	<b>325.845.729</b>	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Điện nước Thiên Phát	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Tiến Văn	134.600.000	-	134.600.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	44.405.255	-	91.245.729	-
	<b>279.005.255</b>	-	<b>325.845.729</b>	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	716.701.848	-	673.833.207	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	4.077.559	-
- Tạm ứng	17.413.395.268	-	17.111.588.071	-
- Phải thu khác	4.056.674.581	-	3.965.149.755	(50.683.000)
	<b>22.186.771.697</b>	<b>-</b>	<b>21.754.648.592</b>	<b>(50.683.000)</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
- Ông Dương Mạnh Hùng (Đội trưởng đội thi công cũ của Công ty)	8.818.754.399	-	8.818.754.399	(50.683.000)
<i>Cho vay công trình Long An</i>	2.404.690.972	-	2.404.690.972	(50.683.000)
<i>Tạm ứng các công trình khác</i>	6.414.063.427	-	6.414.063.427	-
- Các khoản tạm ứng	10.999.331.831	-	10.697.524.644	-
<i>Đội 1 - Ông Phan Văn Minh</i>	70.093.704	-	70.093.704	-
<i>Đội 8 - Ông Vũ Xuân Trường</i>	73.117.591	-	73.117.591	-
<i>Đội 9 - Ông Nguyễn Thanh Tùng (VPMN)</i>	1.388.376.606	-	1.388.376.606	-
<i>Ông Lê Minh</i>	274.036.122	-	274.036.122	-
<i>Ông Nguyễn Hữu Bình</i>	4.494.596	-	4.494.596	-
<i>Ông Nguyễn Quốc Bửu Lâm</i>	797.087.990	-	797.087.990	-
<i>Ông Nguyễn Thanh Tùng</i>	1.960.589.379	-	1.960.589.379	-
<i>Ông Nguyễn Văn Lập</i>	1.483.963.588	-	1.483.963.588	-
<i>Ông Nguyễn Văn Mạnh</i>	18.000.000	-	18.000.000	-
<i>Ông Nguyễn Văn Thế</i>	1.275.340.271	-	1.275.340.271	-
<i>Ông Nguyễn Văn Thế - VPMN</i>	3.024.139.659	-	3.024.139.659	-
<i>Ông Phạm Ngọc Lâm</i>	208.556.873	-	208.556.873	-
<i>Ông Phạm Việt Cường</i>	32.906.465	-	32.906.465	-
<i>Ông Phan Cận</i>	51.418.831	-	51.418.831	-
<i>Ông Phan Anh Hợp</i>	299.604.393	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	37.605.763	-	35.402.969	-
- Các đối tượng khác	2.368.685.467	-	2.238.369.549	-
	<b>22.186.771.697</b>	<b>-</b>	<b>21.754.648.592</b>	<b>(50.683.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	1.250.000	-	1.250.000	-
	<b>1.250.000</b>	<b>-</b>	<b>1.250.000</b>	<b>-</b>

### 8. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Phải thu khác</b>	8.818.754.399	8.818.754.399	8.818.754.399	8.768.071.399
+ Ông Dương Mạnh Hùng (Đội trưởng đội thi công cũ của Công ty)	8.818.754.399	8.818.754.399	8.818.754.399	8.768.071.399
	<b>8.818.754.399</b>	<b>8.818.754.399</b>	<b>8.818.754.399</b>	<b>8.768.071.399</b>

### 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.086.095.814	-	7.997.822.190	-
+ Dự án đường 5 kéo dài	1.885.751.217	-	1.885.751.217	-
+ Xây dựng trụ sở làm việc Công an Quận 12 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh	1.615.904.987	-	1.615.904.987	-
+ Nhà thi đấu Thể dục Thể thao Phú Thọ	700.535.156	-	700.535.156	-
+ Xây dựng hệ thống thoát nước, đường bộ, vỉa hè - Nhà máy YKK Việt Nam	1.691.901.207	-	1.691.901.207	-
+ Thi công hệ thống rãnh thoát nước xung quanh nhà máy	223.537.679	-	223.888.216	-
+ Dự án khác	1.968.465.568	-	1.879.841.407	-
	<b>8.086.095.814</b>	<b>-</b>	<b>7.997.822.190</b>	<b>-</b>

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Tòa nhà Trụ sở văn phòng AVICON (*)	230.000.000	230.000.000
	<b>230.000.000</b>	<b>230.000.000</b>

(\*) Thông tin chi tiết:

- Tên Dự án: Dự án Tòa nhà Trụ sở văn phòng AVICON;
- Địa điểm xây dựng: Số 200/8, Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng tòa nhà văn phòng cho thuê;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Công trình Hàng không;
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến nguồn vốn đầu tư cho dự án là 257 tỷ VND, trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 20%, vốn vay chiếm 80% tổng nguồn vốn đầu tư;
- Quy mô của dự án: 6.721 m<sup>2</sup>;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Dự án đang trong quá trình lập hồ sơ thủ tục đầu tư, đã hoàn thành Đề án tiền khả thi.

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	557.852.653	1.173.610.909	108.669.818	1.840.133.380
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	72.955.720	-	-	72.955.720
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>630.808.373</b>	<b>1.173.610.909</b>	<b>108.669.818</b>	<b>1.913.089.100</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	557.852.649	1.173.610.909	108.669.818	1.840.133.376
- Khấu hao trong năm	4.863.716	-	-	4.863.716
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>562.716.365</b>	<b>1.173.610.909</b>	<b>108.669.818</b>	<b>1.844.997.092</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	4	-	-	4
Tại ngày cuối năm	68.092.008	-	-	68.092.008

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.840.133.380 VND

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	138.000.000	138.000.000
Số dư cuối năm	138.000.000	138.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	138.000.000	138.000.000
Số dư cuối năm	138.000.000	138.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 138.000.000 VND

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	9.824.378.861	9.824.378.861
- Tăng khác	537.332.830	537.332.830
Số dư cuối năm	<u>10.361.711.691</u>	<u>10.361.711.691</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.483.696.626	7.483.696.626
- Khấu hao trong năm	647.160.484	647.160.484
Số dư cuối năm	<u>8.130.857.110</u>	<u>8.130.857.110</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.340.682.235	2.340.682.235
Tại ngày cuối năm	<u>2.230.854.581</u>	<u>2.230.854.581</u>

*Trong đó:*

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng cho thuê: 3.062.099.859 VND.
  - Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 4.017.854.647 VND (năm trước là 3.864.468.304 VND).
  - Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 20.
  - Thuyết minh số liệu và giải trình khác
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.475.806	19.685.589
	<u>14.475.806</u>	<u>19.685.589</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo đối tượng</b>				
<i>Bên khác</i>	<b>7.369.224.974</b>	<b>7.369.224.974</b>	<b>7.355.680.647</b>	<b>7.355.680.647</b>
- Công ty TNHH Xây dựng 3T&D	6.192.678.112	6.192.678.112	6.192.678.112	6.192.678.112
- Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Đô thị và Thủy lợi Hạ tầng Giao thông Thành Đạt	250.090.152	250.090.152	250.090.152	250.090.152
- Công ty TNHH Xây dựng Xanh	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
- Doanh nghiệp Tư nhân Lê Hùng Minh	96.802.200	96.802.200	96.802.200	96.802.200
- Công ty TNHH Đại Thanh Hùng Vũng Tàu	65.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000
- Công ty TNHH DML Việt Nam	61.476.826	61.476.826	61.476.826	61.476.826
- Phải trả các đối tượng khác	463.177.684	463.177.684	449.633.357	449.633.357
	<b>7.369.224.974</b>	<b>7.369.224.974</b>	<b>7.355.680.647</b>	<b>7.355.680.647</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty TNHH Xây dựng 3T&D	6.192.678.112	6.192.678.112	6.192.678.112	6.192.678.112
- Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Đô thị và Thủy lợi Hạ tầng Giao thông Thành Đạt	250.090.152	250.090.152	250.090.152	250.090.152
- Công ty TNHH Xây dựng Xanh	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
- Doanh nghiệp Tư nhân Lê Hùng Minh	96.802.200	96.802.200	96.802.200	96.802.200
- Phải trả các đối tượng khác	483.355.213	483.355.213	503.467.213	503.467.213
	<b>7.262.925.677</b>	<b>7.262.925.677</b>	<b>7.283.037.677</b>	<b>7.283.037.677</b>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>414.582.426</b>	<b>260.316.404</b>
- Bệnh viện Nhân dân 115	79.503.513	79.503.513
- Công ty TNHH Trần Vy An	139.725.016	139.725.004
- Công ty TNHH Thiên Sơn Hưng Yên	40.156.387	40.156.387
- Công ty Nhựa cao cấp HK	105.000.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	50.197.510	931.500
	<b>414.582.426</b>	<b>260.316.404</b>



18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>a.1) Chi tiết theo nội dung</i>		
- Kinh phí công đoàn	48.299.279	121.539.483
- Bảo hiểm xã hội	1.277.441	-
- Bảo hiểm y tế	6.202.873	5.257.873
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.086.571	2.666.571
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.816.224.184	23.825.560.341
+ Phải trả tiền thi công các công trình	22.129.567.686	22.111.525.856
+ Phải trả về tiền hợp tác kinh doanh cho thuê kho Nội Bài (*)	686.786.892	696.123.053
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	999.869.606	1.017.911.432
	<u>23.875.090.348</u>	<u>23.955.024.268</u>
<i>a.2) Chi tiết theo đối tượng</i>		
- Ông Nguyễn Văn Thế	8.064.205.833	8.064.205.833
- Ông Trịnh Hữu Thảo	3.343.403.984	3.343.403.984
- Ông Nguyễn Văn Tiến	2.144.785.363	2.144.785.363
- Ông Nguyễn Thanh Tùng	2.803.295.601	2.803.295.601
- Ông Nguyễn Quốc Bửu Lâm	1.859.476.368	1.859.476.368
- Ông Nguyễn Văn Lập	1.281.802.000	1.281.802.000
- Ông Phan Anh Hợp (*)	686.786.892	696.123.053
- Các đối tượng khác	3.691.334.307	3.761.932.066
	<u>23.875.090.348</u>	<u>23.955.024.268</u>

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01B/HĐHTKD-2022 ngày 01/01/2022.

- Nội dung hợp tác kinh doanh về việc hợp tác khai thác cho thuê khu đất được phép sử dụng của Công ty Cổ phần Công trình Hàng không tại khu vực Sân bay Nội Bài.

- Hình thức góp vốn: Công ty Cổ phần Công trình Hàng không đưa vào hợp tác bằng tư cách pháp nhân, thương hiệu và 01 diện tích 750 m<sup>2</sup>, 110m<sup>2</sup> kho phụ trợ và 100 m<sup>2</sup> kho mới đang được phép sử dụng tại khu vực Sân bay Nội Bài để xây dựng và khai thác cho thuê.

Bên hợp tác đưa vào hợp tác kinh doanh bằng toàn bộ vốn xây dựng 01 nhà kho khung thép với tổng diện tích 750 m<sup>2</sup>, 110m<sup>2</sup> kho phụ trợ và 100 m<sup>2</sup> kho mới và liên hệ tìm khách hàng cho thuê.

- Phương pháp phân chia kết quả hợp tác kinh doanh: Hai bên thực hiện phân chia theo doanh thu. Số tiền Công ty Cổ phần Công trình Hàng không được hưởng sẽ được thoả thuận hàng năm. Bên hợp tác được hưởng phần doanh thu còn lại sau khi trừ đi các khoản chi phí thuê đất tương ứng với phần diện tích cho thuê mà Công ty Cổ phần Công trình Hàng không nộp hộ.

- Thời gian hợp tác kinh doanh: 3 năm từ 01/01/2022 đến 31/12/2024.

- Trong năm 2023, Công ty đã ghi nhận doanh thu hợp tác là: 269.000.000 VND (năm 2022 là 760.725.000 VND).

- Tình trạng tại ngày 31/12/2023: Hợp đồng hợp tác tiếp tục thực hiện.



## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	26.527.685.865	2.633.641.577	8.401.234.158	37.562.561.600
Lãi trong năm trước	-	-	835.859.522	835.859.522
Phân phối lợi nhuận	-	-	(80.445.000)	(80.445.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>26.527.685.865</b>	<b>2.633.641.577</b>	<b>9.156.648.680</b>	<b>38.317.976.122</b>
Số dư đầu năm nay	26.527.685.865	2.633.641.577	9.156.648.680	38.317.976.122
Lãi trong năm nay	-	-	331.881.617	331.881.617
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(81.496.000)	(81.496.000)
+ Trích quỹ phúc lợi	-	-	(41.793.000)	(41.793.000)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(39.703.000)	(39.703.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>26.527.685.865</b>	<b>2.633.641.577</b>	<b>9.407.034.297</b>	<b>38.568.361.739</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 05NQ/ĐHCĐ-AVICON ngày 09 tháng 06 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	835.859.522
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,75%	81.496.000
Lợi nhuận chưa phân phối	90,25%	754.363.522

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Ông Nguyễn Văn Tình	4.221.500.000	15,91%	4.221.500.000	15,91%
Ông Nguyễn Viết Thắng	4.600.000.000	17,34%	4.600.000.000	17,34%
Ông Lý Lâm Duy	-	0,00%	6.594.500.000	24,86%
Ông Khổng Minh Dũng	-	0,00%	3.980.000.000	15,00%
Ông Nguyễn Nhật Linh	5.000.000.000	18,85%	5.000.000.000	18,85%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị AHA VN	11.109.190.000	41,88%	-	0,00%
Các cổ đông khác	1.596.995.865	6,02%	2.131.685.865	8,04%
	<b>26.527.685.865</b>	<b>100%</b>	<b>26.527.685.865</b>	<b>100%</b>

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	26.527.685.865	26.527.685.865
- Vốn góp cuối năm	<b>26.527.685.865</b>	<b>26.527.685.865</b>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.652.769	2.652.769
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.652.769	2.652.769
- Cổ phiếu phổ thông	2.652.769	2.652.769
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.652.769	2.652.769
- Cổ phiếu phổ thông	2.652.769	2.652.769
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.633.641.577	2.633.641.577
	<b>2.633.641.577</b>	<b>2.633.641.577</b>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.433.201.444	4.005.152.128
- Trên 1 năm đến 5 năm	911.615.423	5.153.016.086
	<b>3.344.816.867</b>	<b>9.158.168.214</b>

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 200/8 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên để sử dụng với mục đích làm trụ sở và kho với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2005. Diện tích khu đất thuê là 6.721 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư	-	698.227.500
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	4.017.854.647	3.864.468.304
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	212.013.009
	<b>4.017.854.647</b>	<b>4.774.708.813</b>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán vật tư	-	698.227.815
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	1.014.019.496	1.407.860.714
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	203.032.464
	<b>1.014.019.496</b>	<b>2.309.120.993</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.386.473.900	1.225.281.710
	<b>1.386.473.900</b>	<b>1.225.281.710</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.209.783	45.313.304
Chi phí nhân công	2.183.547.104	2.381.901.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.863.716	15.103.697
Hoàn nhập dự phòng	(50.683.000)	(1.519.000.000)
Thuế, phí, lệ phí	1.509.574.122	1.092.689.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.738.448	453.220.845
Chi phí khác bằng tiền	47.636.260	176.816.839
	<b>3.998.886.433</b>	<b>2.646.045.128</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.180.263	-
Chi phí khác	690.909	-
	<b>8.871.172</b>	<b>-</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	416.897.087	1.044.824.402
Các khoản điều chỉnh tăng	8.180.263	-
- Chi phí không hợp lệ	8.180.263	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	425.077.350	1.044.824.402
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<b>85.015.470</b>	<b>208.964.880</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(46.341.036)	35.494.507
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(110.408.964)	(290.800.423)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>(71.734.530)</b>	<b>(46.341.036)</b>

## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	331.881.617	835.859.522
Các khoản điều chỉnh	-	(81.496.000)
- <i>Quy khen thưởng phúc lợi và Quy khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(81.496.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	331.881.617	754.363.522
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.652.769	2.652.769
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>125</b>	<b>284</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.609.783	314.052.310
Chi phí nhân công	2.550.406.116	2.863.348.729
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.863.716	15.103.697
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	647.160.484	629.249.388
Hoàn nhập dự phòng	(50.683.000)	(1.519.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.738.448	1.613.413.616
Chi phí khác bằng tiền	1.557.210.382	408.673.566
<b>5.101.305.929</b>	<b>4.324.841.306</b>	

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền	1.029.999.910	-	-	1.029.999.910
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.171.657.691	1.250.000	-	35.172.907.691
Các khoản cho vay	23.980.000.000	-	-	23.980.000.000
	<b>60.181.657.601</b>	<b>1.250.000</b>	<b>-</b>	<b>60.182.907.601</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền	116.694.174	-	-	116.694.174
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.379.502.940	1.250.000	-	35.380.752.940
Các khoản cho vay	23.980.000.000	-	-	23.980.000.000
	<b>59.476.197.114</b>	<b>1.250.000</b>	<b>-</b>	<b>59.477.447.114</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	31.244.315.322	-	-	31.244.315.322
Chi phí phải trả	258.786	-	-	258.786
	<b>31.244.574.108</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.244.574.108</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	31.310.704.915	-	-	31.310.704.915
Chi phí phải trả	258.786	-	-	258.786
	<b>31.310.963.701</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.310.963.701</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT
Ông Phan Văn Minh	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hữu Thảo	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dư	Trưởng ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Thanh Loan	Thành viên kiểm soát
Bà Đỗ Hương Ly	Thành viên kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>	<b>841.493.639</b>	<b>926.652.604</b>
Ông Nguyễn Việt Thắng	89.000.000	90.000.000
Ông Khổng Minh Dũng	65.000.000	65.000.000
Ông Lý Lâm Duy	65.000.000	65.000.000
Ông Phan Văn Minh	428.493.639	511.652.604
Ông Trịnh Hữu Thảo	65.000.000	65.000.000
Bà Nguyễn Thị Dư	52.000.000	52.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Loan	38.500.000	39.000.000
Bà Đỗ Hương Ly	38.500.000	39.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hoàng Thị Hậu  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Minh  
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phan Văn Minh